TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **223**/2024/DS-ST
Ngày: 16/7/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Bé;

- Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2024/TLST-DS ngày 19/4/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 123/2024/QĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn*:
Bà Phạm Thị M, sinh năm 1982.
Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên bà có cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Phạm Thị M vay tiền, ngày 17/11/2022 (tức ngày 24/10/2022 al), bà cho bà M, ông L vay 60.000.000 đồng. Khi cho bị đơn vay tiền, bà N viết nội dung và hai vợ chồng ông L, bà M ký tên vào giấy mượn tiền. Hai bên thoả thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả tiền gốc đến ngày 24/3/2024.

Đến ngày 07/7/2023, bà M, ông L tiếp tục mượn bà số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền bà M tự tay viết và hai vợ chồng ông L, bà M ký tên vào giấy mượn tiền. Hai bên thoả thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng, thời gian trả tiền gốc và lãi

là 01 tháng. Tuy nhiên sau đó bà M và ông L chỉ hứa hẹn mà không trả tiền lại cho bà dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Bà Nguyệt khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L trả cho bà các khoản vay sau:

- Đối với biên nhận vay ngày 17/11/2022 (24/10/2022 AL) yêu cầu trả số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày 17/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện (16 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 7.968.000 đồng.

- Đối với biên nhận vay ngày 07/7/2023 yêu cầu trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày 07/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện (08 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 1.328.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và lãi là 89.296.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L mặc dù được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

* Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về số tiền lãi yêu cầu. Sau khi Toà án thụ lý vụ án, ông Nguyễn Hoàng L có trả cho bà N số tiền 2.000.000 đồng, bà N yêu cầu cấn trừ vào tiền lãi phát sinh.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà M và ông L trả cho bà tổng số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của hai khoản vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.320.000 đồng (cụ thể đối với khoản vay 60.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 24/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 03 tháng, đối với khoản vay 20.000.000 đồng yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 07/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 11 tháng), cấn trừ số tiền bị đơn đã trả là 2.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 81.320.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Bị đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L trả số tiền vay, xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Bị đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L cư trú trên địa bàn huyện C nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự:

Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, bị đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt

lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, do đó Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyệt khởi kiện yêu cầu bà M, ông L trả số tiền gốc 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh do chậm trả. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N cung cấp cho Tòa án hai biên nhận nợ lập ngày 24/10/2022 A do bà M, ông L ký tên và biên nhận nợ ngày 7/7/2023 do bà M viết và bà M, ông L ký tên.

[4.1] Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 24/10/2022 AL (tức ngày 17/11/2022 DL) giữa bà Nguyễn Thị N và bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Hoàng L. Xét biên nhận lập ngày 24/10/2022 AL thể hiện nội dung "Tôi tên Phạm Thị M, sn 1982; Chồng Nguyễn Hoàng L có mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền 60.000.000 đồng…" và ký tên Phạm Thị M, Nguyễn Hoàng L", thời hạn vay theo thoả thuận đến ngày 24/3/2024. Xét thấy, biên nhận được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà Nguyễn Thị N.

[4.2] Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên nhận nợ lập ngày 07/7/2023. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 07/7/2023 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Hoàng L. Xét biên nhận lập ngày 07/7/2023 thể hiện nội dung Tôi tên Phạm Thị M, sn 1982; Chồng Nguyễn Hoàng L… tôi và chồng tôi có mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000…" và ký tên Phạm Thị M, Nguyễn Hoàng L", thời hạn vay một tháng kể từ ngày vay. Xét thấy, biên nhận được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà Nguyễn Thị N.

Quá trình tố tụng ông L và bà M đã được Toà án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các bị đơn không gửi các văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên hoà giải và không đến dự phiên toà, xem như không phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Buộc bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L có trách nhiệm trả tổng số tiền vay gốc 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

[4.5] Về tiền lãi:

Do ông L, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N yêu cầu tính lãi số tiền 60.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 24/10/2022 AL (tức ngày 17/11/2022 DL) với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 24/03/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 03 tháng, yêu cầu tính lãi số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận vay

ngày 07/7/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 07/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 11 tháng. Xét việc tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi (60.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 03 tháng) + (20.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 11 tháng) = 3.320.000 đồng.

Ghi nhận yêu cầu cấn trừ số tiền lãi do phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn trước phiên toà là 2.000.000 đồng. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải chịu là 1.320.000 đồng.

[4.6] Về thời gian trả: Bà Nguyệt yêu cầu bà M, ông L trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà M, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Hoàng L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay 80.000.000 đồng (T mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh là 1.320.000 đồng. Tổng cộng là 81.320.000 đồng (T mươi mốt triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.066.000 đồng (Bốn triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Minh